

Số: 5048/BTNMT-VP

V/v cung cấp thông tin phục vụ đại biểu Quốc hội

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2015

Kính gửi: Văn phòng Quốc hội

Phúc đáp Công văn số 2893/VPQH-TV ngày 16 tháng 11 năm 2015 của Văn phòng Quốc hội về việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình biển, đảo của Việt Nam. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp một số thông tin như sau:

I. Tổng quan tình hình biển đảo Việt Nam

1. Khái quát chung

Biển Đông là một trong những vùng biển chiếm vị trí địa kinh tế và địa chính trị thuận lợi và trọng yếu trên bình đồ thế giới và khu vực Đông Á. Biển Đông là chỗ dựa sinh kế trực tiếp của khoảng 300 triệu cư dân thuộc 09 nước và 01 vùng lãnh thổ (Đài Loan), là tuyến hàng hải nhộn nhịp thứ 2 trên thế giới từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương - một khu vực phát triển kinh tế năng động ở Thế kỷ 21. Nhiều quốc gia trong khu vực Đông Á có nền kinh tế phụ thuộc sống còn vào quyền tự do hàng hải qua khu vực biển này: 70% sản phẩm dầu mỏ nhập khẩu và 45% khối lượng hàng hoá xuất khẩu của Nhật Bản, khoảng 60% khối lượng hàng hoá xuất nhập khẩu của Trung Quốc ... và Hoa Kỳ mặc dù nằm rất xa biển Đông nhưng vẫn coi khu vực này là con đường thông thương chiến lược của mình.

Việt Nam là một quốc gia biển, diện tích biển nước ta rộng gần gấp 3 lần diện tích đất liền, đường bờ biển kéo dài trên 3.260km (không kể bờ các đảo) và có trên 3.000 đảo lớn nhỏ ven bờ, hai quần đảo ngoài khơi là Hoàng Sa và Trường Sa, cùng nhiều khu vực địa lý quan trọng ven biển đã tạo cho vùng biển nước ta vị trí trọng yếu về địa kinh tế và địa chính trị. Dải ven biển nước ta có 114 cửa sông, 12 đầm phá, 48 vũng vịnh ven bờ, khoảng 20 kiểu loại hệ sinh thái điển hình và trên 100 điểm khoáng sản đã được phát hiện ... tạo nên nét đặc trưng về cảnh quan thiên nhiên và nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng là tiền đề để phát triển nhiều lĩnh vực kinh tế biển quan trọng như: cảng - giao thông vận tải biển, thủy sản, dầu khí, khai khoáng, du lịch và nhiều lĩnh vực dịch vụ. Nước ta là một trong năm nước chịu tác động mạnh nhất của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, trước hết là vùng ven biển và các đảo nhỏ.

2. Công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo

Trong những năm qua, công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển đã được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư triển khai. Ngày 01 tháng 3 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 47/2006/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tổng thể về điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên-môi trường biển

đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án tổng thể). Qua gần 10 năm triển khai Đề án tổng thể, đến nay đã có tổng số 43 dự án đã được phê duyệt và triển khai thực hiện, trong đó 17 dự án đã kết thúc và đã thu được một số kết quả đáng ghi nhận cụ thể như sau:

2.1. Về diện tích điều tra tài nguyên, môi trường biển

Đã điều tra được 24,4% diện tích vùng biển Việt Nam (tập trung ở phần nước nông ven bờ đến 100m nước và chủ yếu ở tỷ lệ 1/500.000), trong đó tỷ lệ điều tra 1/500.000 ở độ sâu 0-100m nước được thực hiện trên diện tích 244.761 km² chiếm 24,5%; tỷ lệ điều tra 1/100.000 ở độ sâu 0-30m nước được thực hiện trên diện tích 32.218 km² chiếm 3,2%; tỷ lệ điều tra 1/50.000 ở độ sâu 0-30m nước được thực hiện ở diện tích 734 km² chiếm 0,07%.

2.2. Về nội dung điều tra

Đã thu được một số kết quả quan trọng có tính chất hệ thống về điều kiện tự nhiên và tài nguyên môi trường biển như: địa hình đáy biển, địa chất khoáng sản, địa động lực, địa chất môi trường, tai biến địa chất, tài nguyên sinh vật, tài nguyên vị thế, đất đai, tiềm năng nước ở một số vùng ven biển, một số hải đảo và một số cửa sông..., cụ thể như sau:

** Về điều tra cơ bản địa chất - khoáng sản biển, địa chất công trình, địa chất môi trường:* đã làm rõ đặc điểm địa chất, cấu trúc, trầm tích đáy, đặc điểm địa động lực vùng biển Việt Nam độ sâu đến 100m nước.

Đã đánh giá tiềm năng dầu khí trên vùng biển và thềm lục địa Việt Nam, làm rõ cấu trúc địa chất, ranh giới giữa các bể, hệ thống dầu khí, tiềm năng dầu khí và xây dựng được cột địa tầng cho từng bể: Sông Hồng; Phú Khánh; Cửu Long; Nam Côn Sơn; Mã Lai - Thổ Chu; Tư Chính - Vũng Mây. Các kết quả này đã cung cấp hệ thống cơ sở dữ liệu tin cậy về tiềm năng và trữ lượng dầu khí trên vùng biển và thềm lục địa Việt Nam.

** Về đo đạc bản đồ biển:* đã tiến hành thành lập bản đồ địa hình trên Biển Đông, phần lớn bản đồ địa hình được thành lập trên 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa ở tỷ lệ 1:25.000; lập 224 mảnh bản đồ địa hình các tỷ lệ khác nhau tại các khu vực cửa sông, cảng biển, các đảo và xây dựng bộ cơ sở dữ liệu chi tiết về độ sâu trên vùng biển Việt Nam.

** Về điều tra, đánh giá một số tài nguyên khác*

Đối với điều tra khí hydrate: đã xác định được các dấu hiệu chỉ thị có liên quan đến GH trong vùng biển Đông; đã xác định được 04 khu vực tại vùng Nam Trung bộ và Đông Nam bộ có khả năng tồn tại GH ở độ sâu từ 400m đến 2.200m.

Đối với khoáng sản biển sâu: đã phát hiện và lấy được mẫu quặng (vỏ sắt - mangan chứa coban, niken và kết hạch sắt - mangan) ở nhiều vị trí có độ sâu 1200 - 1400m nước có chứa hàm lượng cao của một số kim loại quý hiếm (Ni, Co...).

Sau gần 10 năm triển khai, thực hiện, Đề án 47 đã đạt được những kết quả bước đầu trong công tác điều tra và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi

trường biển phục vụ cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên vùng biển Việt Nam. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo tổng hợp, cập nhật và thống nhất quản lý thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản biển và hải đảo; đồng thời đối với một số nhiệm vụ chưa có trong Đề án 47, đã đề xuất bổ sung các nhiệm vụ điều tra cơ bản và quản lý tài nguyên và môi trường biển đến năm 2020.

Tuy nhiên, hầu hết các kết quả điều tra nêu trên còn ở quy mô nhỏ và trung bình; công tác điều tra có hệ thống mới chỉ được triển khai trên một số vùng biển nông (<100m nước) và số ít đảo lớn gần bờ, mức độ điều tra giữa các vùng biển còn khác nhau về độ chi tiết cũng như đối tượng điều tra, còn có nhiều vùng chưa được điều tra đầy đủ (ngay cả với vùng ven biển và biển ven bờ), một số vùng biển và hải đảo còn khó khăn trong việc tiếp cận để điều tra khảo sát. Cho đến nay, ta chưa đủ điều kiện để điều tra, khảo sát ở các vùng biển sâu. Đây là những vấn đề cần tiếp tục được giải quyết bằng các giải pháp khác nhau để ngày một đáp ứng tốt hơn, đầy đủ và hệ thống hơn các số liệu, tài liệu về điều kiện tự nhiên và tài nguyên, môi trường các vùng biển của đất nước.

3. Công tác quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo

3.1. Công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về biển, hải đảo

Để tạo hành lang pháp lý thực hiện nhiệm vụ quản lý tổng hợp về biển, hải đảo trong thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý đồng bộ để quản lý bao gồm:

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đã được Quốc hội thông qua ngày 25/6/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.

- Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 06/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ).

- Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 2295/QĐ-TTg ngày 17/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ).

- Nghị định số 25/2009/NĐ-CP ngày 06/3/2009 của Chính phủ về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

- Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

- Các Thông tư quy định chi tiết phục vụ công tác quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo.

3.2. Công tác quản lý tổng hợp về khai thác, sử dụng biển và hải đảo

Bộ Tài nguyên và môi trường đang thực hiện Đề án “Quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển Việt Nam” theo quy định tại Điều 44 Luật biển Việt Nam, dự kiến trình Quốc hội phê duyệt cuối năm 2016 nhằm bảo đảm sử dụng bền vững vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa lợi ích kinh tế, bảo vệ môi trường và góp phần bảo đảm quốc phòng-an ninh; đồng thời làm cơ sở để hoạch định chính sách, hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan trong khai thác, sử dụng và tài nguyên biển, hải đảo.

Tổ chức thực hiện “Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn 2030” theo Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 06/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ và thực hiện Quyết định số 158/2007/QĐ-TTg ngày 09/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quản lý tổng hợp dải ven biển vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Trung bộ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 với mục tiêu tăng cường năng lực quản lý, bảo vệ, sử dụng thực hiện khai thác tài nguyên, môi trường biển, phục vụ phát triển bền vững. Việc triển khai Chương trình quản lý tổng hợp tại 14 tỉnh miền Trung bước đầu đã xây dựng được hành lang pháp lý, hình thành cơ chế chính sách, tăng cường năng lực, cơ sở kỹ thuật, nhân lực ở cả cấp trung ương và cấp địa phương. Tháng 12/2014, Thủ tướng Chính phủ cũng đã phê duyệt Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 để áp dụng trên phạm vi cả nước.

Triển khai thực hiện Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21/5/2014 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của Luật biển Việt Nam.

3.3. Công tác kiểm soát tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

Công tác kiểm tra, giám sát tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo bước đầu được tăng cường. Cùng với việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, đã tổ chức thu thập, khảo sát, nắm bắt các thông tin ô nhiễm, suy thoái môi trường biển, hải đảo và các sự cố, thiên tai trên biển; đánh giá thực trạng công tác kiểm soát tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo ở các địa phương.

Các đơn vị chức năng của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Cục Cảnh sát Phòng chống tội phạm về môi trường (C49), Bộ Công an, Ủy ban quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn và Bộ Quốc phòng, các địa phương có biển tiến hành kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ, ngành liên quan và các địa phương thực hiện Quyết định số 1278/QĐ-TTg ngày 14/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Tuyên bố chung và Chương trình khung giữa Việt Nam, Campuchia, Thái Lan về hợp tác sẵn sàng ứng phó

sự cố tràn dầu vùng vịnh Thái Lan” (*Chương trình 1278*) và Quyết định số 1864/QĐ-TTg ngày ngày 21/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Chính phủ nước Cộng hòa Phi-lip-pin về hợp tác trong lĩnh vực ứng phó với sự cố tràn dầu trên biển (*Chương trình 1864*).

3.4. Nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục và phổ biến thông tin về biển, đảo

Nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của biển, đảo đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là ý thức về biển phải được thể hiện đầy đủ trong chính sách phát triển của những ngành có liên quan và các địa phương có biển, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 373/QĐ-TTg ngày 23/3/2010 phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển, hải đảo Việt Nam” (gọi tắt là Đề án 373). Đây là Đề án lớn hướng tới mục đích tuyên truyền tổng thể về biển, hải đảo mà trọng tâm tuyên truyền phát triển kinh tế biển, đảo, khai thác sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo giai đoạn 2010-2015. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ và nhân dân về vị trí, vai trò của biển, hải đảo cũng như công tác quản lý tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo được quan tâm thực hiện.

Từ năm 2009 đến nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đều tổ chức “Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam” từ ngày 01 đến ngày 08 tháng 6 với nhiều hoạt động thiết thực nhằm tuyên truyền về biển đảo của Việt Nam, nâng cao nhận thức cộng đồng bảo vệ, khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

3.5. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức từ Trung ương đến địa phương

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành hoàn thiện cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý nhà nước về biển, hải đảo từ Trung ương đến địa phương bao gồm Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo. Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam được thành lập năm 2008 với 11 đơn vị trực thuộc; đến nay đã có 17 đơn vị (gồm 04 Vụ, 01 Văn phòng, 03 Cục, 01 Viện, 01 Ban và 07 Trung tâm).

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý nhà nước về biển ở địa phương ven biển, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch số 26/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 05/11/2010 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Chi cục biển và hải đảo trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (hiện nay Thông tư liên tịch số 26/2010/TTLT-BTNMT-BNV đã được thay thế bởi Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), trên cơ sở đó đã hướng dẫn, phối hợp với các địa phương thành lập các Chi cục biển và hải

đảo trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương ven biển. Đến nay, đã có 24/28 địa phương thành lập Chi cục biển và hải đảo.

4. Hợp tác quốc tế và khoa học, công nghệ về biển, hải đảo

4.1. Về hợp tác quốc tế

Việt Nam đã tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực về biển như Nhóm công tác ASEAN về môi trường biển và ven biển; Diễn đàn toàn cầu về Đại dương, Vùng bờ và Hải đảo, Ủy ban liên Chính phủ về Hải dương học của Việt Nam (IOC Việt Nam); Ủy ban quốc tế về các khu bảo tồn biển; thành viên của Tổ chức Đối tác quản lý môi trường biển Đông Á (PEMSEA), Cơ quan Điều phối các biển Đông Á (COBSEA), Ban Điều phối quốc gia thuộc Chương trình “Rừng ngập mặn cho tương lai” (MFF) của IUCN... Đồng thời, còn ký kết và triển khai các thỏa thuận, các bản ghi nhớ với Viện Hải dương học Thái Bình Dương, Phân viện Viễn Đông, Viện Hàn lâm khoa học Liên bang Nga (POI FEB RAS); Cơ quan khí quyển đại dương Hoa Kỳ (NOAA); Viện Địa chất và Khoáng sản Hàn Quốc (KIGAM); Viện Biển Hàn Quốc (KMI); Cơ quan Hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) và YEOSU EXPO 2012; Tổng công ty môi trường Hàn Quốc (KOEM); Tập đoàn Công nghệ vũ trụ Cộng hòa Pháp (CLS).

Triển khai các dự án hợp tác với các đối tác quốc tế nhằm khai thác nguồn lực để quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo. Tổ chức thực hiện Đề án “Hợp tác quốc tế về biển đến năm 2020” theo hướng lồng ghép các nhiệm vụ này vào các chiến lược, chương trình, quy hoạch và kế hoạch về biển cũng như các đề án, dự án đang và sẽ triển khai thực hiện tại các bộ, ngành, địa phương liên quan. Năm 2015, Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với PEMSEA và các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng để tổ chức Đại hội biển Đông Á lần thứ 5 (từ ngày 16 đến ngày 21/11/2015).

4.2. Về khoa học và công nghệ

Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo Việt Nam giai đoạn 2010 -2015” mã số TNMT.06/10-15. Chương trình nhằm đến các mục tiêu: hoàn thiện khung chính sách pháp luật và thể chế quản lý tổng hợp về biển và hải đảo; áp dụng phương pháp, công nghệ tiên tiến phục vụ điều tra cơ bản, giám sát, quy hoạch biển và hải đảo; nâng cao năng lực và khả năng hội nhập quốc tế về khoa học-công nghệ biển của Việt Nam. Triển khai, thực hiện một số đề tài nghiên cứu khoa học cung cấp luận cứ khoa học cho việc đề xuất và hoàn thiện khung chính sách, pháp luật và thể chế quản lý tổng hợp, thống nhất, góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia đối với các vùng biển và hải đảo Việt Nam.

*** Đánh giá chung**

Sau gần 10 năm triển khai thực hiện Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020, công tác xây dựng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về biển và hải đảo từ trung ương đến địa phương đã phát huy hiệu quả trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ

được giao, nhất là công tác tham mưu xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; công tác tổ chức điều tra cơ bản, thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo, xây dựng hệ thống thông tin phục vụ việc hoạch định chủ trương, chính sách phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển; duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quan trọng nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; đã có sự chủ động và tích cực phối hợp giữa các Bộ, ngành và địa phương trong lĩnh vực quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo; công tác tuyên truyền về biển, đảo được chú trọng và đẩy mạnh; vai trò, vị thế cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp, thống nhất về biển và hải đảo bước đầu được khẳng định.

Bên cạnh những thành quả đạt được nêu trên còn những tồn tại, bất cập, cụ thể là: công tác điều tra cơ bản mới chỉ được triển khai trên một số vùng biển nông (<100m nước) và số ít đảo lớn gần bờ, mức độ điều tra giữa các vùng biển còn khác nhau về độ chi tiết cũng như đối tượng điều tra, còn có nhiều vùng chưa được điều tra đầy đủ do diện tích biển rộng; công tác quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, đảo chưa đáp ứng yêu cầu do Quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển; quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ mới đang được xây dựng; đội ngũ cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý tổng hợp tài nguyên biển từ trung ương đến địa phương còn thiếu và chưa đủ kinh nghiệm nên hiệu quả quản lý chưa cao. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo, đặc biệt là công tác điều tra cơ bản, công tác kiểm soát môi trường biển còn rất thiếu và chưa đồng bộ cũng chỉ phối đến hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án Chính phủ giao.

5. Phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới

5.1. Về công tác điều tra cơ bản: tăng cường nguồn lực cho công tác điều tra cơ bản, xây dựng được đội ngũ điều tra cơ bản đủ mạnh để thực hiện công tác điều tra cơ bản, đặc biệt là công tác điều tra cơ bản ở các vùng biển sâu, biển xa, vùng biển quốc tế liên kề nhằm tìm kiếm phát hiện các nguồn tài nguyên mới gắn với bảo vệ an ninh, chủ quyền. Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương ven biển trong công tác quản lý, tổ chức thực hiện và kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển.

5.2. Về công tác quản lý tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo: tập trung triển khai thực hiện Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; trình ban hành các văn bản pháp luật quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật. Đẩy nhanh tiến độ trình Quốc hội phê duyệt Quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, đảo. Chú trọng công tác đào tạo đội ngũ cán bộ công chức từ trung ương đến địa phương có kiến thức về quản lý tổng hợp đáp ứng được nhiệm vụ giao.

Hướng dẫn các địa phương triển khai Chương trình quản lý tổng hợp tại 28 địa phương ven biển theo Chiến lược Quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững

tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Từng bước kiểm soát các nguồn thải trên biển và ven biển; tiến tới kiểm soát các nguồn thải từ lưu vực sông; cấp phép nhận chìm, đổ thải trên biển; ứng phó hiệu quả với sự cố môi trường; từng bước nâng cao chất lượng môi trường, bảo vệ, khôi phục đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển và hải đảo. Đầu tư nâng cấp trang thiết bị chuyên ngành; đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học nhằm nâng cao chất lượng điều tra, quan trắc, dự báo về tài nguyên và môi trường biển phục vụ phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ quốc phòng, an ninh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững các vùng biển, ven biển và hải đảo Việt Nam.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo.

5.3. Hợp tác quốc tế và khoa học, công nghệ: thực hiện tốt nhiệm vụ đầu mối quốc gia các hoạt động hợp tác quốc tế về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; tích cực tham gia các tổ chức, diễn đàn quốc tế về biển và đại dương. Mở rộng hợp tác quốc tế với các đối tác hiện thời và các đối tác mới để trao đổi, học hỏi các kinh nghiệm, kỹ thuật, công nghệ quản lý biển và hải đảo; góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo.

II. Thực trạng xây dựng, tình hình dân cư và các lực lượng đang sinh sống tại khu vực đảo Trường Sa hiện nay

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao quản lý của Bộ đối với các lực lượng đang sinh sống tại khu vực quần đảo Trường Sa thì hiện có 2 Trạm Khí tượng Hải văn là: Trường Sa và Song Tử Tây thuộc huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa. Hai trạm này hiện đang hoạt động trực thuộc Mạng lưới điều tra cơ bản của Trung tâm Khí tượng thủy văn quốc gia, Bộ Tài Nguyên và Môi trường, sự quản lý trực tiếp của Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Nam Trung Bộ.

1. Trạm Khí tượng Hải văn Trường Sa

Trạm Khí tượng Hải văn Trường Sa nằm tại tọa độ 8°39' vĩ độ Bắc, 115°55' kinh độ Đông thuộc đảo Trường Sa Lớn, huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Trạm được xây dựng trên lô đất rộng khoảng 2000m² tại đảo Trường Sa Lớn, thuộc huyện đảo Trường Sa theo Quyết định giao đất số 281/QĐ-UB ngày 26/01/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Trạm bắt đầu hoạt động từ ngày 11/9/1976, là trạm điều tra cơ bản hoạt động lâu dài. Số liệu thu được từ Trạm Khí tượng Hải văn Trường Sa là rất lớn và đóng một vai trò quan trọng trong công tác điều tra cơ bản thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng biển, thủy

văn biển, môi trường biển, được sử dụng làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế biển và các vùng ven biển; dự báo, cảnh báo thiên tai và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm phục vụ đắc lực cho việc phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, phục vụ cho công tác lưu trữ số liệu, nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội, an ninh quốc phòng và đảm bảo chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Các yếu tố quan trắc và chế độ quan trắc: ngoài các yếu tố khí tượng cơ bản, Trạm còn quan trắc đầy đủ các yếu tố hải văn bao gồm: kiểu, dạng, độ cao, hướng và chu kỳ sóng; mực nước biển; nhiệt độ nước biển; độ muối nước biển; lân quang biển (sáng biển); trạng thái mặt biển; tầm nhìn xa phía biển; các hiện tượng khí tượng thủy văn biển nguy hiểm. Tất cả các yếu tố được quan trắc 4 lần/ngày vào các giờ 1, 7, 13, 19. Các thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn biển như mực nước biển, nhiệt độ, độ muối nước biển được lắp đặt trực tiếp ngoài biển.

Trạm Khí tượng Hải văn Trường Sa hiện có 6 quan trắc viên (theo biên chế được giao), phần lớn là những cán bộ được đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành khí tượng, thủy văn, bao gồm Trưởng trạm, Phó trưởng trạm và đội ngũ quan trắc viên.

2. Trạm Khí tượng Hải văn Song Tử Tây

Trạm Khí tượng Hải văn Song Tử Tây nằm tại tọa độ $11^{\circ}25'$ vĩ độ Bắc, $114^{\circ}20'$ kinh độ Đông, thuộc xã đảo Song Tử Tây, huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Trạm được xây dựng trên lô đất rộng khoảng $2000m^2$ tại xã đảo Song Tử Tây, huyện đảo Trường Sa theo Quyết định giao đất số 282/QĐ-UB ngày 26/01/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Trạm bắt đầu hoạt động từ ngày 01/7/1988, là trạm điều tra cơ bản hoạt động lâu dài. Số liệu thu được từ Trạm khí tượng Hải văn Song Tử Tây là rất lớn và đóng một vai trò quan trọng trong công tác điều tra cơ bản thu thập thông tin, dữ liệu về khí tượng biển, thủy văn biển, môi trường biển, được sử dụng làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế biển; dự báo, cảnh báo thiên tai và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm phục vụ đắc lực cho việc phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, phục vụ cho công tác lưu trữ số liệu, nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng và chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Các yếu tố quan trắc và chế độ quan trắc: ngoài các yếu tố khí tượng cơ bản, Trạm còn quan trắc đầy đủ các yếu tố hải văn bao gồm: kiểu, dạng, độ cao, hướng và chu kỳ sóng; mực nước biển; nhiệt độ nước biển; độ muối nước biển; lân quang biển (sáng biển); trạng thái mặt biển; tầm nhìn xa phía biển; các hiện tượng khí tượng thủy văn biển nguy hiểm. Tất cả các yếu tố được quan trắc 4 lần/ngày vào các giờ 1, 7, 13, 19. Các thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn biển như mực nước biển, nhiệt độ, độ muối nước biển được lắp đặt trực tiếp ngoài biển.

Trạm Khí tượng Hải văn Song Tử Tây hiện có 3 quan trắc viên (theo biên chế được giao), phần lớn là những cán bộ được đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành khí tượng, thủy văn, bao gồm Trưởng trạm và đội ngũ quan trắc viên.

Hai Trạm Khí tượng Hải văn Trường Sa và Song Tử Tây có vị trí hết sức quan trọng trong Mạng lưới các trạm Khí tượng Hải văn, là trạm tiền tiêu, nơi cửa ngõ đón sóng, gió và thường xuyên chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thiên tai, đặc biệt là thiên tai từ biển như bão và nước dâng do bão nên các trạm Trường Sa và Song Tử Tây luôn được sự quan tâm của ngành khí tượng thủy văn và của Nhà nước về mọi mặt, trong đó có đầu tư về cơ sở hạ tầng, công trình trạm, máy thiết bị và nguồn lực ... tương xứng với vai trò là trạm Hạng I và phát báo quốc tế.

Bộ Tài nguyên và Môi trường kính gửi Văn phòng Quốc hội tổng hợp và cung cấp thông tin phục vụ đại biểu Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT Nguyễn Minh Quang (để b/c);
- Các TT: Chu Phạm Ngọc Hiền, Nguyễn Linh Ngọc;
- Tổng cục B&HĐVN, Trung tâm KTTVQG;
- Lưu: VT, VP (TH).

Qu

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Phương Hoa